

Chi tiết mã HS 0203

Mã HS	0203
Mô tả hàng hóa	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh
Đơn vị	
Thời điểm tạo	31/10/2026 03:36:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/0203/

6 dòng thuế thuộc 0203

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
0203.11.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Tươi hoặc ướp lạnh: / - - Thịt cả con và nửa con	kg	37,5%	25%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0203.12.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Tươi hoặc ướp lạnh: / - - Thịt mỡ đùi (hams), thịt vai và các mảnh của chúng, có xương	kg	37,5%	25%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0203.19.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Tươi hoặc ướp lạnh: / - - Loại khác	kg	33%	22%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0203.21.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Đông lạnh: / - - Thịt cả con và nửa con	kg	15%	10%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0203.22.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Đông lạnh: / - - Thịt mỡ đùi (hams), thịt vai và các mảnh của chúng, có xương	kg	15%	10%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)
0203.29.00	Thịt lợn, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh / - Đông lạnh: / - - Loại khác	kg	15%	10%	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.